



CHÍNH PHỦ

TÀI LIỆU

**THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP
VÀ TỔ CHỨC MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP**

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Số: 991 /BNNMT-QLĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và tổng hợp số liệu diện tích tự nhiên khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và tổng hợp số liệu diện tích tự nhiên do sắp xếp lại đơn vị hành chính để thành lập đơn vị hành chính mới như sau:

1. Về nguyên tắc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai

Việc chỉnh lý hồ sơ địa chính bao gồm Bản đồ địa chính, Sổ mục kê đất đai, Sổ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) phải được thực hiện đồng thời với việc cập nhập, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương.

Hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai đang được quản lý, lưu trữ, vận hành thì tiếp tục được khai thác, quản lý, phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp. Việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai do sắp xếp lại đơn vị hành chính phải được thực hiện đồng thời với việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất, đảm bảo thông suốt, không gây ách tắc, cản trở cho người dân và doanh nghiệp.

2. Về việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai

2.1. Về việc chỉnh lý bản đồ địa chính

a) Về kinh tuyến trực

Kinh tuyến trực để sử dụng cho công tác đo đạc lập bản đồ địa chính được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính.

Việc áp dụng kinh tuyến trực cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh được thực hiện như sau:

Đối với những nơi đã có bản đồ địa chính thì giữ nguyên kinh tuyến trực theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Đối với những nơi chưa có bản đồ địa chính thì khi thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính sẽ ưu tiên sử dụng 01 kinh tuyến trực có độ chính xác cao hơn của một trong các tỉnh, thành phố được hợp nhất sau khi sắp xếp đơn vị hành chính để sử dụng cho việc đo đạc lập bản đồ địa chính.

b) Về tên gọi và số thứ tự của tờ bản đồ địa chính:

Tên gọi của tờ bản đồ địa chính theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT được thể hiện gồm: Tên của đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tên của đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; số hiệu mảnh bản đồ địa chính và số thứ tự của tờ bản đồ địa chính trong phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã.

Số thứ tự của tờ bản đồ địa chính: Trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để thành lập một đơn vị hành chính mới thì việc chỉnh lý số thứ tự của tờ bản đồ địa chính được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 7 Điều 17 của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

Ngoài ra, bổ sung thông tin của tờ bản đồ địa chính thuộc đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp đơn vị hành chính ghi chú ngoài khung bản đồ để phục vụ việc tra cứu trong quá trình sử dụng sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

c) Sổ mục kê và các tài liệu liên quan khác được chỉnh lý theo kết quả biên tập, chỉnh lý bản đồ địa chính. Các yếu tố trình bày ngoài khung bản đồ (tên tỉnh, tên xã), mốc địa giới và đường địa giới đơn vị hành chính các cấp, các đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất, ghi chú thuyết minh, ... nếu có thay đổi thì chỉnh lý trên bản đồ địa chính cho phù hợp.

d) Trường hợp khi giải quyết công tác quản lý nhà nước về đất đai đối với những thửa đất tại khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà trước khi hợp nhất đang sử dụng các kinh tuyến trực khác nhau thì xem xét sử dụng 01 kinh tuyến trực phù hợp để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính.

2.2. Về Sổ địa chính

Việc cập nhật, chỉnh lý biến động Sổ địa chính điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT, ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo nội dung Hướng dẫn thể hiện thông tin trên Sổ địa chính (điểm 7 Phần II) của Mẫu số 01/ĐK Sổ địa chính Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 10/2024/TT-BTNMT.

2.3. Về Giấy chứng nhận đã cấp qua các thời kỳ

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính thì không bắt buộc phải thực hiện chỉnh lý đồng loạt Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu hoặc thực hiện đồng thời với thủ tục hành chính về đất đai. Việc chỉnh lý thay đổi thông tin của thửa đất (số tờ, số thửa, địa chỉ) trên Giấy chứng nhận đã cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 của Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT; trường hợp trên Giấy chứng nhận đã cấp không còn dòng trống để xác nhận thay đổi thì cấp mới Giấy chứng nhận để thể hiện thông tin của thửa đất theo quy định tại khoản 6 Điều 23 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

2.4. Về cơ sở dữ liệu đất đai

a. Về phần mềm cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh trước khi sắp xếp mà đang sử dụng các phần mềm ứng dụng khác nhau để phục vụ quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau sáp nhập có trách nhiệm chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai sử dụng thống nhất một phần mềm, đồng thời chuyển đổi cơ sở dữ liệu đất đai hiện từ các phần mềm khác sang phần mềm thống nhất để cập nhật, vận hành, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai.

b. Đối với dữ liệu không gian

Cập nhật dữ liệu không gian đất đai nền theo địa giới hành chính mới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời thực hiện bổ sung nhóm dữ liệu về thửa đất (gồm các trường thông tin: Mã đơn vị hành chính cấp xã; Số hiệu tờ bản đồ; Số thửa đất; Địa chỉ) theo đơn vị hành chính mới theo quy định tại Khoản 7 Điều 52 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

c) Đối với dữ liệu thuộc tính

Nhóm dữ liệu về thửa đất và Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin theo quy định tại Khoản 7 Điều 52 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, đối với dữ liệu về mã đơn vị hành chính, Số hiệu tờ bản đồ, Số thửa đất, Địa chỉ đơn vị hành chính sau khi sắp xếp.

d) Về dữ liệu đất đai phi cấu trúc của tài liệu về địa chính được cập nhật đảm bảo liên kết tới dữ liệu thửa đất.

3. Về việc bảo quản, bàn giao hồ sơ địa chính

Để chuẩn bị việc bàn giao hồ sơ địa chính do sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp đảm bảo phục vụ yêu cầu về quản lý đất đai, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung sau:

a) Chỉ đạo rà soát, thống kê danh mục hồ sơ địa chính và các loại sổ sách, tài liệu dạng giấy hình thành trong quá trình quản lý, sử dụng đất qua các giai đoạn hiện đang lưu trữ tại các cấp ở địa phương để chuẩn bị sẵn sàng cho việc bàn giao cho đơn vị hành chính mới phục vụ công tác quản lý đất đai, tránh thất lạc tài liệu, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cho công tác quản lý.

Đối với Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện đã lập khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu, ngay sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính mới thì thực hiện việc bàn giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để lưu trữ và cung cấp thông tin khi cần thiết.

b) Đối với hồ sơ địa chính điện tử đang được lưu trữ, vận hành trong cơ sở dữ liệu đất đai thì chỉ đạo các cơ quan tiếp tục khai thác, quản lý, phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

4. Về việc sử dụng số liệu diện tích của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

Ủy ban nhân dân các tỉnh tập trung hoàn thành kiểm kê đất đai năm 2024 ở đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc nhằm lượng hóa thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính cấp xã phục vụ sắp xếp, sáp nhập đảm bảo kịp thời và đồng bộ.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời công tác quản lý nhà nước về đất đai. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý đất đai) để được giải đáp và hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Lưu: VT, VP(TH), CQLĐĐ (ĐĐ&ĐK).



Đỗ Đức Duy

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1005 /BNNMT-PC

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện một số nội dung
Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng
nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung về Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là MTQG) xây dựng nông thôn mới (viết tắt là NTM) giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình NTM) và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình giảm nghèo bền vững) đối với các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể như sau:

I. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình NTM khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

a) Về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình NTM theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh - xã):

- Việc điều chỉnh cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình NTM theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) cấp tỉnh chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình NTM trên toàn tỉnh theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng:

+ Chấm dứt hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện và Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện;

+ Kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp tỉnh và các xã hình thành mới sau sáp nhập (nếu cần thiết);

+ Phân công lại nhiệm vụ do cấp huyện đảm nhiệm phù hợp cho cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình NTM ở cấp tỉnh hoặc UBND xã tùy theo nội dung, tính chất và điều kiện thực hiện;

+ Cho đến khi chấm dứt hoạt động, Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện và Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện có trách nhiệm sắp xếp và bàn giao nguyên trạng, đầy đủ hồ sơ, tài liệu của Chương trình NTM về cơ quan tiếp nhận, đảm bảo phục vụ được hoạt động của cơ quan mới được tiếp nối liên tục, không gián đoạn.

b) Đối với các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại: Việc thực hiện chế độ, chính sách theo Chương trình NTM, thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, cụ thể như sau:

- Trường hợp các xã cùng hưởng chế độ, chính sách của Chương trình NTM sáp nhập với nhau: Tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo Chương trình NTM như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn thực hiện của Chương trình NTM.

- Trường hợp các xã đang hưởng chế độ, chính sách sáp nhập với xã không thuộc đối tượng hưởng chế độ, chính sách của Chương trình NTM: Tại khu vực đang hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình NTM, tiếp tục được hưởng như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn thực hiện của Chương trình NTM.

- Trường hợp các xã thay đổi tên gọi sau sắp xếp: Sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp.

2. Về quản lý và sử dụng vốn ngân sách trung ương được giao thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025, năm 2025 (bao gồm cả vốn của các năm trước chuyển sang thực hiện năm 2025) khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

a) Nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước của Chương trình NTM khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và hướng dẫn tại văn bản số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính.

b) Về việc phân bổ vốn ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 (bao gồm cả vốn của các năm trước chuyển sang thực hiện năm 2025):

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025; tùy theo điều kiện thực tế, UBND cấp tỉnh chủ động rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh, phân bổ vốn ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (tỉnh, xã).

c) Về việc chuyển tiếp quản lý các nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp: Thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được hình thành từ Chương trình NTM khi thực hiện tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc công nhận đạt chuẩn NTM đối với các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, tổ chức lại và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

a) Trước thời điểm các đơn vị hành chính được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện sắp xếp, tổ chức lại:

Tiếp tục tổ chức xét, công nhận cấp tỉnh hoàn nhiệm vụ xây dựng NTM; cấp huyện đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu (*sau đây gọi chung là đạt chuẩn NTM*) giai đoạn 2021-2025 đối với các địa phương có hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ*) cho đến khi được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, cụ thể:

- Đối với các xã: UBND cấp tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy trình xét, thẩm định các hồ sơ, công nhận với những địa phương đủ điều kiện; đảm bảo hoàn thành trước khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực.

- Đối với cấp tỉnh, cấp huyện: Đề nghị UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ xét, công nhận về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương*) trước ngày 30/4/2025 để triển khai quy trình thẩm định theo quy định.

b) Sau thời điểm nêu trên, dừng thực hiện việc xét, công nhận đạt chuẩn NTM và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đối với cấp tỉnh, xã cho đến khi có văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, địa phương có liên quan tiến hành rà soát, triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tiếp tục thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 phù hợp bối cảnh và thực tiễn mới.

5. Về thực hiện các Chương trình chuyên đề trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025¹

¹ Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới

a) Về tổ chức thực hiện các mô hình thí điểm

- Đối với các mô hình giao UBND cấp huyện thẩm tra, làm cơ sở để trình UBND cấp tỉnh phê duyệt mô hình, thì UBND cấp tỉnh rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh theo hướng giao đơn vị chuyên môn cấp tỉnh chủ trì thẩm tra, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt mô hình.

- Trường hợp các xã thay đổi tên gọi sau sắp xếp và không còn cấp huyện: Rà soát phạm vi, địa bàn của mô hình, sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp.

b) Về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025

- Đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND cấp huyện tiếp tục thực hiện công tác đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP cấp huyện (3 sao) và cấp tỉnh (4 sao, tiềm năng 5 sao), cụ thể như sau:

+ UBND cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể nộp hồ sơ đăng ký, đánh giá, phân hạng ở cấp huyện chậm nhất là ngày 31/5/2025. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành công tác đánh giá, phân hạng và ban hành quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao và đề nghị UBND cấp tỉnh đánh giá, công nhận sản phẩm 4 sao trước ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định không còn cấp huyện (dự kiến trước 30/6/2025), không để tồn đọng hồ sơ đăng ký chưa được xử lý.

+ Hoàn thành công tác tổ chức đánh giá, phân hạng và ban hành quyết định công nhận sản phẩm OCOP 4 sao (cấp tỉnh) trước ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định sáp nhập cấp tỉnh (dự kiến trước ngày 30/8/2025), không để tồn đọng hồ sơ đăng ký chưa được xử lý.

+ Để tạo điều kiện, không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể, UBND cấp huyện tổ chức hướng dẫn các chủ thể nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá, công nhận lại sản phẩm OCOP trước thời hạn, nếu chủ thể có nhu cầu (*đặc biệt là các sản phẩm phân cấp cho cấp huyện đánh giá, công nhận và sản phẩm do cấp tỉnh công nhận sẽ hết thời hạn từ 01/7/2025 đến 31/12/2025*).

+ Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia đối với các hồ sơ sử dụng địa chỉ (xã, huyện, tỉnh), đề nghị gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/5/2025. Đối với các hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia chịu ảnh hưởng của việc sáp nhập đơn vị cấp tỉnh, đề nghị gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/7/2025 (*đối với hồ sơ sử dụng địa chỉ xã, tỉnh và tên tỉnh trước khi sáp nhập*).

- Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, dự kiến phương án đề xuất là tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm ở 02 cấp (cấp trung ương và cấp tỉnh). Đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện chuẩn bị, sắp xếp hồ sơ

(hồ sơ sản phẩm và hồ sơ hợp Hội đồng OCOP cấp huyện do huyện phụ trách thời gian qua) để bàn giao cho đơn vị quản lý OCOP cấp tỉnh, đặc biệt là các hồ sơ sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn, do UBND cấp huyện đánh giá, công nhận.

6. Thực hiện chủ trương của Trung ương², đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quan tâm, chỉ đạo để Chương trình NTM đạt được các mục tiêu cao nhất của giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn; đồng thời, chỉ đạo chuẩn bị xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn hiện đại giai đoạn 2026-2030 ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đối với đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, thị trấn)

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (viết tắt là ĐBKK) sáp nhập với nhau hoặc sáp nhập với xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc sáp nhập với thị trấn, xã bình thường (chưa đạt chuẩn nông thôn mới):

- Thực hiện các dự án, tiểu dự án theo tổng mức đầu tư của các xã ĐBKK trước khi sáp nhập và tổ chức thực hiện hỗ trợ đầu tư trên địa bàn xã ĐBKK trước khi sáp nhập.

- Thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững đối với người dân đang sinh sống trên địa bàn xã ĐBKK theo địa bàn cũ như trước thời điểm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình giảm nghèo bền vững.

b) Đối với xã ĐBKK có tên trong danh sách được cấp có thẩm quyền quy định sau khi sáp nhập với một hoặc một số đơn vị cấp xã khác có sự thay đổi tên gọi: Sử dụng tên đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sáp nhập để tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn cũ như trước thời điểm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện

a) Việc tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững đối với cấp huyện sau khi tổ chức sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là MTQG) về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, quyết định việc điều chỉnh tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững.

b) Thực hiện dự án, tiểu dự án đầu tư theo tổng mức đầu tư của các huyện nghèo cũ thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững và tổ chức thực hiện hỗ trợ đầu tư trên địa bàn cũ như trước thời điểm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho đến hết thời hạn của Chương trình giảm nghèo bền vững.

c) Thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững đối với người dân đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo cũ như trước thời điểm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình giảm nghèo bền vững.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà (để b/c);
- Ủy ban TW MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NV, TC, VHTT&DL, XD, CA, GD&ĐT, DT&TG, YT, CT;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để chỉ đạo);
- Thứ trưởng Võ Văn Hung (để chỉ đạo);
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương (để thực hiện);
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC



Số: **522** /BNNMT-VPĐP

Hà Nội, ngày **27** tháng 3 năm 2025

V/v rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thực hiện CTMTQG xây dựng NTM đối với các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; để có cơ sở hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh các quy định, cơ chế, chính sách triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với tình hình mới, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương triển khai ngay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là **cấp tỉnh**) chỉ đạo các Sở, ban, ngành và địa phương (**cấp huyện, xã**) rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đối với các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, tổ chức lại và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (có mẫu biểu tổng hợp gửi kèm).

Văn bản tổng hợp kết quả rà soát, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, theo địa chỉ: Tầng 10, Nhà C, Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và địa chỉ thư điện tử: khth.ntm@gmail.com) trước ngày 02 tháng 4 năm 2025 để tổng hợp. /

(Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ đồng chí Vi Việt Hoàng, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương theo số điện thoại: 0906.258.868)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c);
- Các bộ, ngành trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ: VP, PC;
- Lưu: VT, VPĐP.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thanh Nam

Phụ lục

MẪU BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT BỔ SUNG,
ĐIỀU CHỈNH CÁC VĂN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
ĐỐI VỚI CÁC ĐVHC THỰC HIỆN SÁP XẾP, TỔ CHỨC LẠI VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỎ CHỨC

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Công văn số 322/BNN-VPĐP ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Văn bản/chính sách/quy định	Nội dung của văn bản/chính sách/quy định	Nội dung ảnh hưởng, tác động cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh	Đề xuất phương án xử lý, cấp có thẩm quyền xử lý, hướng dẫn

78

Số: /BC-VPĐP-HCTH

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước (Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

Kính gửi: Vụ Pháp chế.

Triển khai Văn bản số 67/BNNMT-PC ngày 13/3/2025 về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thuộc trách nhiệm của Bộ, trên cơ sở kết quả rà soát hệ thống văn bản QPPL còn hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương xin báo cáo như sau:

1. Về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy được rà soát: Gồm 06 văn bản, có: 01 Nghị quyết của Quốc hội, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 02 Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi tiết thể hiện tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo này).

1.2. Văn bản QPPL chỉ có nội dung thay đổi về tên gọi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền: Gồm 02 văn bản (Chi tiết thể hiện tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo này).

1.3. Văn bản QPPL ngoài nội dung thay đổi về tên gọi còn có các nội dung thay đổi khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết công việc, thủ tục hành chính... của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Chi tiết thể hiện tại Phụ lục III kèm theo Báo cáo này).

1.4. Văn bản QPPL không còn được áp dụng, cần phải thực hiện việc bãi bỏ toàn bộ: Không có

2. Về phương án xử lý văn bản QPPL

a) Văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần: 02 văn bản (gồm: 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

- b) Văn bản QPPL cần thay thế: Không có
- c) Văn bản cần bãi bỏ toàn bộ: Không có
- d) Về việc ban hành văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung, thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 02 văn bản
- đ) Về lộ trình xử lý các văn bản QPPL (*phụ lục III kèm theo*)

3. Đánh giá và kiến nghị

3.1. Đánh giá

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, các bộ, ngành đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt 95 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình, tạo cơ sở pháp lý chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình.

Trong đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 văn bản QPPL (*Quyết định*), Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành theo thẩm quyền 02 văn bản QPPL (*Thông tư*); Số còn lại là các văn bản chỉ đạo, điều hành.

Sau khi rà soát lại nội dung, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tham mưu lãnh đạo Bộ đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung 02 văn bản QPPL (*chi tiết tại phụ lục III*); Điều chỉnh lại tên gọi từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” sang “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy cho 02 văn bản QPPL (*chi tiết tại phụ lục II*).

Thời gian thực hiện: Trong Quý III năm 2025.

3.2. Kiến nghị, đề xuất: Không có

Trên đây là kết quả rà soát văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương kính gửi Vụ Pháp chế tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- Lãnh đạo VPĐP NTM Trung ương;
- Các phòng: KHTC, OCDL, NV;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Ngô Trường Sơn

Phụ lục I

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPĐP-HCTH ngày tháng năm 2025
Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)*

STT	Tên văn bản
I	Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
	Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
II	Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
1	Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025
2	Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 và Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
3	Quyết định 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
III.	Thông tư, thông tư liên tịch của các bộ, cơ quan ngang bộ
1	Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Thông tư số 07/2023/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Phụ lục II

KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG (NHÓM 1. Văn bản QPPL chỉ có nội dung thay đổi về tên gọi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPĐP-HCTH ngày / /2025 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

STT	Tên VB được rà soát	Quy định về tên gọi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền tại VB được rà soát	Tên gọi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy	Ghi chú (nếu có)
1	Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
2	Thông tư số 07/2023/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

Phụ lục III

KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL CHIU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SÁP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG
(NHÓM 2. Văn bản QPPL ngoài nội dung thay đổi về tên gọi còn có các nội dung thay đổi khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết công việc, thủ tục hành chính... của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chức danh có thẩm quyền sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPĐP-HCTH ngày tháng năm 2025 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

STT	Tên VB được rà soát	Nội dung quy định được rà soát	Phân tích nội dung thay đổi sau khi việc sắp xếp tổ chức bộ máy	Hình thức xử lý VB	Lộ trình xử lý VB	Ghi chú (nếu có)
1	Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Nội dung quy định được rà soát 1. Phạm vi thực hiện của Chương trình: Trên địa bàn nông thôn của cả nước, bao gồm: các thôn, các xã, các huyện, các thị xã và thành phố thuộc tỉnh có xã của 63 tỉnh, thành phố thuộc trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 2. Mục tiêu phấn đấu đến 2025: Giao cụ thể mục tiêu thực hiện xây dựng nông thôn mới ở 03 cấp (xã, huyện, tỉnh), cụ thể: - Phấn đấu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; - Phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu.	Theo mô hình địa phương 02 cấp thì phạm vi thực hiện Chương trình trên địa bàn các thôn, các xã của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Sẽ không tiến hành thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới cấp huyện.	Đề nghị giữ nguyên và không điều chỉnh bổ sung		

		- Phân đầu cả nước có ít nhất 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; - Phân đầu 60% số thôn thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do UBND cấp tỉnh quy định.			
2	Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025	Có quy định tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương theo đối tượng huyện phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	Theo mô hình 02 cấp thì sẽ phải điều chỉnh đối tượng phân bổ cho xã	Đề nghị giữ nguyên	Hoàn thành trước 30/7/2025
3	Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 và Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ	Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Do không có cấp huyện, một số bước trong quy trình thẩm định đối với cấp xã sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp (không thực hiện bước thẩm tra của	Sửa đổi Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 và Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của	

	tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025		UBND cấp huyện; cấp xã tổ chức đánh giá, lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ; cấp tỉnh thẩm định và công nhận, công bố).	Thủ tướng Chính phủ.		
--	--	--	--	-----------------------------	--	--

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCA-C06

V/v Hướng dẫn một số nội dung liên quan
đến sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức
chính quyền địa phương 02 cấp

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ;
- Cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công của Ban Chỉ đạo, Bộ Công an hướng dẫn triển khai thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an, như sau:

I. ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU, THU HỒI CON DẤU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐVHC CÁC CẤP VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Để đảm bảo cho các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy có con dấu đi vào hoạt động ngay, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, của người dân, Bộ Công an đã ban hành hướng dẫn số 579/BCA-C06 ngày 25/02/2025 về việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu khi sắp xếp tổ chức bộ máy gửi đến các Bộ, Cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Văn Phòng Chủ tịch nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hướng dẫn số 579/BCA-C06 ngày 25/02/2025 của Bộ Công an là những vấn đề mang tính nguyên tắc chung được chốt lọc theo quy định của Nghị định 99/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu để thực hiện xuyên suốt trong quá trình sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương. Đề nghị các Bộ, Cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Văn Phòng Chủ tịch nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục thực hiện việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng dẫn trên.

II. THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CƯ TRÚ CỦA CÔNG DÂN DO THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI VÀ TÊN GỌI CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VỚI HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CĂN CƯỚC CÔNG DÂN VÀ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ.

Từ chỉ đạo tại Công điện số 557/CD-TTg ngày 18/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 đến nay, Bộ Công an đã ban hành các văn bản chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nội dung này, theo đó việc thay đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của đơn vị hành chính với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử được thực hiện như sau:

1. Căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 26 của Luật Cư trú năm 2020 nêu rõ “Thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà”. Đồng thời, tại khoản 3, điều 10, Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an về hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú quy định cơ quan quản lý cư trú có thẩm quyền căn cứ vào văn bản thay đổi địa giới địa giới hành chính (quy định tại Quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội) để thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin về địa chỉ nơi cư trú trong CSDL về cư trú.

- Đối với trường hợp sát nhập toàn bộ, đổi tên, thay đổi cấp ĐVHC, Bộ Công an (Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) căn cứ pháp lý thay đổi ĐVHC để thực hiện cập nhật thông tin mã ĐVHC và cập nhật số hồ sơ cư trú điện tử trên hệ thống; đồng thời thông báo cho Công an các địa phương để nắm.

- Đối với trường hợp chia, tách một phần đơn vị hành chính, Công an các địa phương tiến hành rà soát, xác minh, tập hợp và gửi về Bộ Công an (Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) để thực hiện cập nhật trên hệ thống phần mềm.

2. Công dân trong khu vực có sự thay đổi về địa giới hành chính, Công an xã/Cảnh sát khu vực tiến hành rà soát, xác minh thông tin của công dân để thực hiện điều chỉnh trên hệ thống phần mềm và tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh thông tin về cư trú theo khoản 2, điều 26, Luật Cư trú năm 2020 và điều 11, Thông tư số 57/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an về quy trình đăng ký cư trú.

3. Đối với công dân đã có thẻ CCCD trong khu vực có sự thay đổi về ĐVHC, đã có sự sai lệch thông tin có trong CSDLQGvDC với thông tin trên bề mặt thẻ CCCD. Căn cứ Luật Căn cước công dân năm 2023 và các văn bản hiện hành, khi thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính thì chưa quy định bắt buộc công dân phải đi cấp đổi, cấp lại CCCD. Tuy nhiên, để thuận lợi cho các

giao dịch cá nhân, đi lại,... của công dân thì khuyến khích người dân nên cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD khi có thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính để thống nhất thông tin.

* Về kinh phí cấp đổi thẻ CCCD, công dân sẽ được miễn lệ phí theo Điều 5 Thông tư 59/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp CCCD khi có sự thay đổi về ĐVHC theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

III. RÀ SOÁT, CUNG CẤP SỐ LIỆU VỀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ TẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP.

1. Đối với số liệu nhân khẩu thực tế tại đơn vị hành chính trên phạm vi toàn quốc

Căn cứ vào yêu cầu của cấp có thẩm quyền nhằm phục vụ sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Bộ Công an sẽ cung cấp số liệu thống kê nhân khẩu thực tế cư trú tại các đơn vị hành chính trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối với số liệu nhân khẩu thực tế tại đơn vị hành chính trên phạm vi các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các địa phương thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ động, sẵn sàng nắm tình hình, kết quả sắp xếp ĐCHV. Căn cứ vào yêu cầu của cấp có thẩm quyền sẵn sàng cung cấp thông tin về hộ, nhân khẩu hiện nay đang quản lý trên phạm vi quản lý để làm cơ sở tham mưu với Thành ủy, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các vấn đề có liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp khi có yêu cầu.

IV. THÁO GỖ VƯỚNG MẮC TRONG LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Để tháo gỡ những vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp, sau khi tiếp nhận nhiệm vụ trên từ Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã ban hành các văn bản, gồm:

- Công văn số 1105/BCA-HSNV ngày 27/2/2025 gửi Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị phối hợp chỉ đạo, thống nhất trong việc trao đổi, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Quyết định số 1025/QĐ-BCA ngày 25/02/2025 về công bố danh mục thủ tục hành chính mới, trong đó có 06 thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp (thay thế Quyết định 1235 của Bộ Tư pháp) để Công an các đơn vị, địa phương thống nhất thực hiện.

Ngoài ra, để giải quyết cơ bản những vướng mắc nêu trên, Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 165/KH-BCA ngày 21/3/2025 về xây dựng dự án luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật lý lịch tư pháp năm 2009.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung cơ bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an. Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, nếu phát sinh những vướng mắc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an đề nghị các Bộ, Cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Văn Phòng Chủ tịch nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục trao đổi để hướng dẫn và thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- V01 (để tổng hợp)
- Lưu: VT, C06 (P1^{Dương}).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trung tướng Nguyễn Văn Long

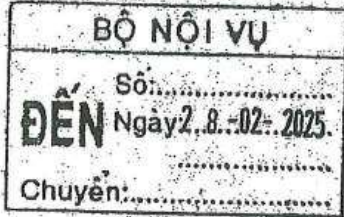
Số: 579/BCA-C06

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

V/v đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu khi sắp xếp tổ chức bộ máy

Kính gửi:

- Các Bộ;
- Cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



Đề đảm bảo cho các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy có con dấu đi vào hoạt động ngay, không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân; Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP, Bộ Công an đề nghị các cơ quan, tổ chức thực hiện như sau:

I. Điều kiện sử dụng con dấu (quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP), cụ thể:

1. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước chỉ được sử dụng con dấu khi đã có quy định về việc được phép sử dụng con dấu trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phải đăng ký mẫu con dấu trước khi sử dụng.

2. Việc sử dụng con dấu có hình Quốc huy phải được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hoặc được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có chức năng cấp văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ có dán ảnh hoặc niêm phong tài liệu theo quy định của pháp luật thì được phép sử dụng dấu nổi, dấu thu nhỏ hoặc dấu xi.

4. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước chỉ được sử dụng một con dấu theo mẫu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm con dấu như con dấu đã cấp (dấu ướt, dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi), thực hiện theo quy định sau đây:

- Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng thêm dấu ướt phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước tự quyết định việc sử dụng thêm dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi;
- Tổ chức kinh tế tự quyết định việc sử dụng thêm con dấu.

II. Hồ sơ đăng ký mẫu con dấu

1. Hồ sơ đăng ký mẫu con dấu mới (quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP), cụ thể:

- Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu có hình Quốc huy: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức sự nghiệp, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Điều lệ hoạt động của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ đăng ký lại mẫu con dấu (quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP), cụ thể:

Văn bản đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu, trong đó nêu rõ lý do và người được cử liên hệ nộp hồ sơ; Quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

III. Thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu và thu hồi con dấu

1. Thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu (quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP), cụ thể:

- Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có trách nhiệm đăng ký mẫu con dấu; cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước, gồm: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng thư ký Quốc hội; Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử Quốc gia, Hội đồng dân tộc và các Ủy

ban của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước; Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an; trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Cơ quan An ninh điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương; Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này; Tổ chức kinh tế do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thành lập hoặc cấp giấy đăng ký hoạt động hoặc cấp giấy phép hoạt động và các tổ chức trực thuộc; Đại sứ quán, Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Tổng Lãnh sự danh dự, Lãnh sự danh dự, Phái đoàn thường trực, Phái đoàn, Phái đoàn quan sát viên thường trực và cơ quan đại diện khác thực hiện chức năng đại diện của Nhà nước Việt Nam tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ hoặc tại vùng lãnh thổ nước ngoài; Tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương cấp giấy phép hoạt động; Tổ chức khác do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động.

- Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm đăng ký mẫu con dấu; cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đối với cơ quan, tổ chức, gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của bộ, ngành trung ương tại địa phương; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an xã, phường, thị trấn; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Cơ quan An ninh điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; đơn vị trực thuộc các cơ quan này; Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; Cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc

các cơ quan, tổ chức này; Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này; Tổ chức kinh tế do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy đăng ký hoạt động hoặc cấp giấy phép hoạt động và các tổ chức trực thuộc; Tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp giấy phép hoạt động; Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Ủy ban bầu cử ở cấp xã, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, Tổ bầu cử; Tổ chức khác do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động; Một số trường hợp theo ủy quyền của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

2. Giao nộp, thu hồi con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu

- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP thì các cơ quan tổ chức sử dụng con dấu có trách nhiệm giao nộp con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu thuộc các trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, trong các trường hợp sau đây:

+ Đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng, thay đổi chất liệu hoặc cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên;

+ Có quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký mẫu con dấu quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP theo thẩm quyền có trách nhiệm thu hồi con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu, hủy con dấu và hủy giá trị sử dụng con dấu, cấp giấy chứng nhận thu hồi con dấu theo mẫu quy định.

- Hồ sơ đề nghị thu hồi con dấu (*quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP*), cụ thể: Văn bản của cơ quan, tổ chức nộp lại con dấu nêu rõ lý do và người được cử liên hệ để thực hiện; Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

IV. Hình thức nộp hồ sơ (*quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 56/2023/NĐ-CP*), cụ thể:

Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục về con dấu cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của cơ quan đăng ký mẫu con dấu;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công của Bộ Công an (*trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật*).

V. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính (*quy định tại khoản 7 Điều 11 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP*), cụ thể:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết, cơ quan đăng ký mẫu con dấu có trách nhiệm trả kết quả đăng ký mẫu con dấu mới, đăng ký lại mẫu con dấu, đăng ký thêm con dấu, đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi; cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, Bộ Công an đề nghị Quý cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai, thực hiện để đảm bảo cho các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy có con dấu để đi vào hoạt động. Mọi thông tin liên quan, đề nghị liên hệ Bộ Công an (*qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ số 47 Phạm Văn Đồng, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội; đầu mối liên hệ: Đại tá Vũ Thị Hoàng Ngân, Trưởng Phòng 2, số điện thoại 0912.021.238*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, C06.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trưởng tướng Nguyễn Văn Long

